

Số: *101* /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày *19* tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực
tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các
nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được
sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và
khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử
dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn
tỉnh Tiền Giang; Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử
dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử
dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Nghị quyết số 17/2020/NQ-
HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức
thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành
nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Nghị quyết số
18/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về
quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả
nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, cụ thể:

1. Danh mục 10 thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước (có danh mục kèm theo);

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước, gồm:

Thủ tục số 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 tại mục II thuộc lĩnh vực tài nguyên nước được công bố tại Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang (10 thủ tục hành chính);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VP: CVP, PVP Nguyễn Phương Bình, P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Hiệu). *lang*

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TIỀN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh viết tắt là VP UBND tỉnh;

Sở Tài nguyên và Môi trường viết tắt là STNMT;

Phòng Kinh tế viết tắt là P.KT.

1. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ - 1.004122

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:* trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733.993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: 1.300.000 đồng/hồ sơ.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

- Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

d) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 18 ngày làm việc (144 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	90 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

2. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ - 2.001738

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- *Thời hạn trả giấy phép*: trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733.993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí: 650.000 đồng/hồ sơ.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

- Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

đ) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 13 ngày làm việc (104 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ

2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Phòng nghiệp vụ STNMT	50 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

3. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm - 1.004232

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định đề án: trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép*: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quỹ số 5 - 02733.993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Phí thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất

Thẩm định thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.250.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.350.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	6.350.000 đồng/đề án

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

d) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 30 ngày làm việc (240 giờ).

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	186 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

*** Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo.**
Quy trình thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 20
ngày làm việc (160 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	106 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

4. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm - 1.004228

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định báo cáo: trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- Thời hạn trả giấy phép: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733.993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, điều chỉnh: bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu.

Phí thẩm định cấp phép đề án thăm dò nước dưới đất lần đầu

Thẩm định thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.250.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.350.000 đồng/đề án
Thẩm định đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	6.350.000 đồng/đề án

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

đ) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 25 ngày làm việc (200 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	146 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ

11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

*** Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo. Quy trình thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 20 ngày làm việc (160 giờ)**

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	106 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT,	Bộ phận Một cửa	02 giờ

	Trung tâm Phục vụ hành chính công	VP UBND tỉnh	
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

5. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm - 1.004223

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo, bản kê khai*: trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, bản kê khai.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo, bản kê khai không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo, bản kê khai được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép*: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

- *Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước*: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733. 993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

* Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:	
Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước	1.720.000 đồng/báo cáo

từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000m ³ / ngày đêm	5.450.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	7.180.000 đồng/báo cáo
* Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất:	
Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng khai thác có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.250.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.350.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	6.350.000 đồng/báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

đ) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 30 ngày làm việc (240 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ	Trung tâm Phục vụ hành chính	04 giờ

	<i>bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)</i>	công	
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Phòng nghiệp vụ STNMT	186 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

*** Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo. Quy trình thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 20 ngày làm việc (160 giờ)**

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ

2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Phòng nghiệp vụ STNMT	106 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

6. Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm - 1.004211

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định báo cáo, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo; xác định lại tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo, bản kê khai được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép*: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thông báo số tiền truy thu, hoàn trả cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước và nêu rõ lý do phải truy thu, hoàn trả.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733.993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, điều chỉnh: bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu:

* Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:	
Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.720.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000m ³ / ngày đêm	5.450.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	7.180.000 đồng/báo cáo
* Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất:	
Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng khai thác có lưu lượng nước trên 10 m ³ /ngày đêm đến dưới 200 m ³ /ngày đêm	830.000 đồng/báo cáo

Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.250.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm	5.350.000 đồng/báo cáo
Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	6.350.000 đồng/báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

đ) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 25 ngày làm việc (200 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	146 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ

4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

*** Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo.**
Quy trình thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 20
 ngày làm việc (160 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	106 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển	Bộ phận Một cửa	02 giờ

	lãnh đạo VP UBND tỉnh	VP UBND tỉnh	
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

7. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m³/ngày đêm - 1.004179

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo, bản kê khai:* trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, bản kê khai.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo, bản kê khai không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo, bản kê khai. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

- Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733.993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

* Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng trên 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	850.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng trên 0,1 m ³ / giây đến dưới 0,5 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất trên 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm;	1.900.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 m ³ / giây đến dưới 1 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm;	6.250.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 m ³ /giây đến dưới 2 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm;	8.400.000 đồng/đề án, báo cáo
* Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển:	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên	1.900.000 đồng/đề án, báo cáo

10.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 30.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 50.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	8.800.000 đồng/đề án, báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

d) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 30 ngày làm việc (240 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	186 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến	Văn phòng	02 giờ

	VP UBND tỉnh	STNMT	
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

*** Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo. Quy trình thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 20 ngày làm việc (160 giờ)**

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	106 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ

6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

8. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m³/ngày đêm - 1.004167

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo*: trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép*: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

Thông báo trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thông báo số tiền truy thu, hoàn trả cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước và nêu rõ lý do phải truy thu, hoàn trả.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733.993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, điều chỉnh: bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu.

Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu

* Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng trên 100 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	850.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng trên 0,1 m ³ / giây đến dưới 0,5 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất trên 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm;	1.900.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 m ³ / giây đến dưới 1 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm;	6.250.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 m ³ /giây đến dưới 2 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm;	8.400.000 đồng/đề án, báo cáo
* Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển:	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên	1.900.000 đồng/đề án, báo cáo

10.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm	
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 30.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước biển cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 50.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 100.000 m ³ /ngày đêm	8.800.000 đồng/đề án, báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

d) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 25 ngày làm việc (200 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	146 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển	Bộ phận Một cửa	02 giờ

	lãnh đạo VP UBND tỉnh	VP UBND tỉnh	
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

*** Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo. Quy trình thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 20 ngày làm việc (160 giờ)**

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	106 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ	02 giờ

		trách	
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

9. Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác - 1.004152

a) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- Thời hạn trả giấy phép: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733. 993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước dưới 5 m ³ /ngày đêm đối với nước thải có chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ; Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng trên 5 đến dưới 100 m ³ /ngày đêm	850.000đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 100 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.900.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 500 đến dưới 2.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 2.000 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	9.150.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước trên 10.000 đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	10.050.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước từ 20.000 đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	10.950.000 đồng/đề án, báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

đ) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 30 ngày làm việc (240 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	186 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

*** Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo.**
Quy trình thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 20
ngày làm việc (160 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	106 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

10. Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác - 1.004140

a) Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo*: trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép*: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

b) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tiền Giang (quầy số 5 - 02733.993846), địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

c) Phí, lệ phí

- Lệ phí: không quy định.

- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp gia hạn, điều chỉnh: bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp phép lần đầu.

Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu

Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước dưới 5 m ³ /ngày đêm đối với nước thải có chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ; Thẩm định đề án, báo cáo xả thải nước thải vào nguồn nước có lưu lượng trên 5 đến dưới 100 m ³ /ngày đêm	850.000đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 100 đến dưới 500 m ³ /ngày đêm	1.900.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 500 đến dưới 2.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000 đồng/đề án, báo cáo

Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 2.000 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	9.150.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước trên 10.000 đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	10.050.000 đồng/đề án, báo cáo
Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng nước từ 20.000 đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản	10.950.000 đồng/ đề án, báo cáo

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

d) Quy trình nội bộ, liên thông điện tử: 25 ngày làm việc (200 giờ)

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	146 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển	Bộ phận Một cửa	02 giờ

	lãnh đạo VP UBND tỉnh	VP UBND tỉnh	
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND tỉnh	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

*** Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo. Quy trình thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 20 ngày làm việc (160 giờ)**

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (<i>trực tiếp, qua bưu điện, dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến</i>)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng nghiệp vụ STNMT	106 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ trình UBND tỉnh	Lãnh đạo STNMT	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến VP UBND tỉnh	Văn phòng STNMT	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của STNMT, chuyển lãnh đạo VP UBND tỉnh	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển P.KT - VP UBND	Lãnh đạo VP	02 giờ

	tỉnh	UBND tỉnh phụ trách	
7	Xem hồ sơ và chuyển chuyên viên	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.KT - VP UBND tỉnh	26 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo P.KT - VP UBND tỉnh	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo VP UBND tỉnh phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	02 giờ
12	Đóng dấu vào sổ, chuyển STNMT, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Bộ phận Một cửa VP UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Giờ hành chính